

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

Gói 8: Mua sắm công tơ điện tử và đo xa, hộp bảo vệ công tơ, CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng và router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026 - G8 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 34/QĐ-HĐTV ngày 24/3/2026 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc ban hành Quy định mua sắm trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-HĐTV ngày 19/4/2024 Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Ban hành Quy định phân cấp mua sắm vật tư thiết bị và lập kế hoạch mua sắm vật tư thiết bị trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-HĐTV ngày 01/6/2025 của Hội đồng thành viên về việc Ban hành Quy chế phân cấp quản lý giữa Hội đồng thành viên và Tổng Giám đốc trong Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 3677/QĐ-EVNSPC ngày 26/12/2025 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc Phân công nhiệm vụ, công tác của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 488/QĐ-EVNSPC ngày 09/03/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc sửa đổi, bổ sung Phân công nhiệm vụ, công tác của Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty Điện lực miền Nam;

Căn cứ Quyết định số 43/QĐ-HĐTV ngày 13/04/2026 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 806/QĐ-EVNSPC ngày 14/04/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Đơn vị mua sắm cho các gói thầu mua sắm tập trung

thuộc lĩnh vực: Công nghệ thông tin, router, thiết bị đo đếm điện năng, đo ghi từ xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và máy cắt hạ áp cỡ nhỏ MCB;

Căn cứ Quyết định số 46/QĐ-HĐTV ngày 21/04/2026 của Hội đồng Thành viên Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 875/QĐ-EVNSPC ngày 22/4/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc phê duyệt Dự toán các gói thầu mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 870/QĐ-EVNSPC ngày 22/4/2026 của Tổng công ty Điện lực miền Nam về việc thành lập Tổ chuyên gia xét chọn nhà thầu cho các gói thầu mua sắm mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Dự thảo E-HSMT Gói 8: Mua sắm công tơ điện tử và đo xa, hộp bảo vệ công tơ, CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng và router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026 - G8;

Căn cứ Tờ trình số 699/VT ngày 25/4/2026 của Đơn vị mua sắm về việc phê duyệt E-HSMT Gói 8: Mua sắm công tơ điện tử và đo xa, hộp bảo vệ công tơ, CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng và router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026 - G8 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 418/QLĐT ngày 28/4/2026 của Ban Quản lý đấu thầu về việc nội dung E-HSMT các gói thầu mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Căn cứ Văn bản số 723/VT ngày 28/4/2026 của Ban Vật tư/Đơn vị mua sắm về việc phúc đáp memo số 418/QLĐT ngày 28/4/2026 của Ban Quản lý đấu thầu về việc làm rõ thời gian bảo hành hàng hoá và hiệu chỉnh về năng lực sản xuất hàng hoá;

Căn cứ Báo cáo số 436/QLĐT ngày 29/04/2026 của Bộ phận thẩm định - Ban Quản lý đấu thầu về việc thẩm định E-HSMT Gói 8: Mua sắm công tơ điện tử và đo xa, hộp bảo vệ công tơ, CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng và router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026 - G8 thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Quản lý đấu thầu Tổng công ty Điện lực miền Nam.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) Gói 8: Mua sắm công tơ điện tử và đo xa, hộp bảo vệ công tơ, CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng và router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh năm 2026 - G8 thuộc kế

hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm công tơ điện tử và đo xa, thùng/hộp bảo vệ công tơ và CB bảo vệ phục vụ khách hàng sau TBA công cộng, router 3G/4G phục vụ công tác điều hành sản xuất kinh doanh của Tổng công ty Điện lực miền Nam năm 2026 với nội dung theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Giao Ban Vật tư chịu trách nhiệm thực hiện các bước tiếp theo của quy trình đấu thầu.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Các Trưởng Ban: Vật tư, Quản lý đấu thầu, Kinh doanh, Tài chính kế toán, Pháp chế Tổng công ty Điện lực miền Nam căn cứ chức năng, nhiệm vụ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- TGD;
- Ban VT (01 bản giấy để đăng tải trên HTMĐTQG);
- Lưu: VT, QLĐT. ThT (01).

**KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



Bui Quốc Hoan

Phụ lục**NỘI DUNG HỒ SƠ MỜI THẦU (E-HSMT)**

GÓI 8: MUA SẮM CÔNG TƠ ĐIỆN TỬ VÀ ĐO XA, HỘP BẢO VỆ CÔNG TƠ, CB BẢO VỆ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG SAU TBA CÔNG CỘNG VÀ ROUTER 3G/4G PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2026 - G8 THUỘC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU DỰ TOÁN MUA SẮM CÔNG TƠ ĐIỆN TỬ VÀ ĐO XA, THÙNG/HỘP BẢO VỆ CÔNG TƠ VÀ CB BẢO VỆ PHỤC VỤ KHÁCH HÀNG SAU TBA CÔNG CỘNG, ROUTER 3G/4G PHỤC VỤ CÔNG TÁC ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC MIỀN NAM NĂM 2026

1. Tài liệu mẫu để chuẩn bị hồ sơ mời thầu (E-HSMT)

- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15 và Luật số 90/2025/QH15;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;
- Mẫu số 4A Hồ sơ mời thầu (E-HSMT) mua sắm hàng hóa qua mạng một giai đoạn một túi hồ sơ, ban hành theo Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/8/2025 của Bộ Tài Chính về việc Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

2. Phương thức đấu thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ.

3. Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi (qua mạng, trong nước)

4. Giá gói thầu: 63.297.205.920 VNĐ (đã bao gồm thuế GTGT 8% – theo Quyết định số 875/QĐ-EVNSPC ngày 22/4/2026).

5. Loại hợp đồng: Trọn gói.

6. Thời gian thực hiện gói thầu: 25 tuần (175 ngày).

7. Ngôn ngữ:

- Hồ sơ mời thầu (E-HSMT): Tiếng Việt
- Hồ sơ dự thầu (E-HSDT): Tiếng Việt; Các tài liệu và tư liệu bổ trợ có thể được viết bằng tiếng Anh và tiếng Việt.
- Hợp đồng: Tiếng Việt

8. Hiệu lực E-HSDT: ≥ 90 ngày kể từ ngày đóng thầu.

9. Bảo đảm dự thầu: 1.898.916.177 VNĐ, có hiệu lực ≥ 120 ngày kể từ ngày có thời điểm đóng thầu.

10. Phạm vi cung cấp của gói thầu: chi tiết theo E-HSMT.

- Tùy chọn mua thêm: 30% số lượng theo hạng mục tương ứng.

11. Thời gian giao hàng:

- a) Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ (MCB) và Hộp công tơ: Giao hàng trong vòng 16 tuần (112 ngày) kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.

b) Công tơ, Modem thu thập dữ liệu từ xa và Bộ tập trung thu thập dữ liệu DCU-PLC, chia làm 2 đợt giao:

- Đợt 1: Giao 60% số lượng hàng hóa trong 8 tuần (56 ngày) kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.
- Đợt 2: Giao 40% số lượng hàng hóa còn lại trong 10 tuần (70 ngày) kể từ ngày nhận được đơn đặt hàng.

12. Giá dự thầu:

- Giá dự thầu là giá do nhà thầu chào trong đơn dự thầu (chưa tính giảm giá), bao gồm toàn bộ các chi phí để thực hiện gói thầu (Tất cả các chi phí sản xuất, bảo hiểm, chi phí vận chuyển, chi phí bốc dỡ giao hàng đến tận nơi yêu cầu của Bên mua, chi phí cho công tác thử nghiệm, nghiệm thu và thuế GTGT, các chi phí, lệ phí khác liên quan (nếu có)).

13. Đồng tiền dự thầu và đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

14. Tiêu chuẩn đánh giá kinh nghiệm và năng lực nhà thầu: Sử dụng tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

14.1 Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

- Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).

- Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế GTGT) của **03 năm** tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: **87.912.786.000 VNĐ**.

- Kinh nghiệm cụ thể trong thực hiện hợp đồng tương tự: Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu. Trong đó hợp đồng tương tự là:

❖ Có tính chất tương tự: theo 02 tiêu chí sau:

(i) Tiêu chí 1: Hợp đồng cung cấp hàng hóa thuộc lĩnh vực thiết bị đo lường và giám sát điện năng hoặc thiết bị điện hoặc thiết bị công nghệ thông tin.

(ii) Tiêu chí 2: Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS **9028** với giá trị tối thiểu: **20.916.630.000 VNĐ**; 01 Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS **8517** với giá trị tối thiểu: **2.781.257.472 VNĐ**; 01 Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS **8537** với giá trị tối thiểu: **1.630.800.000 VNĐ**; 01 Hợp đồng cung cấp hàng hóa có mã HS **8536** với giá trị tối thiểu: **623.160.000 VNĐ**.

❖ Có quy mô (giá trị) tối thiểu: **25.951.847.472 VNĐ**.

- Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau

đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

14.2 Đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu:

- Lịch sử không hoàn thành hợp đồng: Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, EC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu.

- Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

- Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản – Tổng nợ).

- Doanh thu bình quân hàng năm (không bao gồm thuế GTGT) của **03 năm** tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là: **87.912.786.000 VNĐ**.

- Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây:

+ Công suất thiết kế của của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 5 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Công tơ (mã HS 9028): 15.624 cái/tháng.
- Bộ tập trung thu thập dữ liệu DCU-PLC hoặc/và Modem thu thập dữ liệu từ xa (mã HS 8517): 74 bộ/tháng.
- Hộp công tơ (mã HS 8537): 857 cái/tháng.
- Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ (MCB) (mã HS 8536): 1.714 cái/tháng.

Hoặc:

+ Công suất thiết kế của của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong vòng 5 năm gần nhất so với thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu:

- Công tơ (mã HS 9028): 190.092 cái/năm.
- Bộ tập trung thu thập dữ liệu DCU-PLC hoặc/và Modem thu thập dữ liệu từ xa (mã HS 8517): 901 bộ/năm.
- Hộp công tơ (mã HS 8537): 10.429 cái/năm.
- Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ (MCB) (mã HS 8536): 20.857 cái/năm.

- Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác: Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:

+ Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

+ Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

15. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật:

Áp dụng phương pháp đánh giá theo tiêu chí “đạt” và “không đạt”.

16. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính:

Phương pháp giá thấp nhất.

17. Bảo đảm thực hiện hợp đồng:

Giá trị đảm bảo hợp đồng: 10 % giá hợp đồng.

18. Bảo lãnh bảo hành:

– Trong vòng **15 ngày** kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu đưa vào sử dụng và được Bên Mua chấp nhận, để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ bảo hành, Bên Bán phải giao cho Bên Mua bảo lãnh bảo hành. Bảo lãnh này sẽ được giải tỏa trong vòng **28 ngày** sau khi hết thời gian bảo hành và Bên Bán hoàn thành nghĩa vụ bảo hành, sửa chữa các sai sót theo yêu cầu. Bảo lãnh bảo hành mà Bên Bán gửi Bên Mua phải là bảo lãnh không hủy ngang, vô điều kiện do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành và có giá trị bằng **05%** giá trị hợp đồng.

– Thời gian bảo hành:

+ Đối với công tơ và bộ tập trung DCU-PLC là 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 30 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

+ Đối với Modem là 36 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 40 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

+ Đối với Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ (MCB) và Hộp công tơ là 12 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

– Trường hợp sửa chữa, thay thế Hàng hóa trong thời gian bảo hành thì thời gian bảo hành cho thiết bị được sửa chữa hoặc thay thế sẽ được tính là:

+ Đối với công tơ và bộ tập trung DCU-PLC là 24 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 30 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

+ Đối với Modem là 36 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 40 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

+ Đối với Máy cắt hạ áp cỡ nhỏ (MCB) và Hộp công tơ là 12 tháng kể từ ngày đưa thiết bị vào vận hành nhưng không quá 18 tháng kể từ ngày hàng hóa được nghiệm thu bàn giao.

– Bên bán phải gia hạn hiệu lực của Bảo lãnh bảo hành này tương ứng với thời gian bảo hành mới. Toàn bộ chi phí liên quan đến việc sửa chữa thay thế do Bên Bán chịu.

– Trường hợp sửa chữa, thay thế hàng hóa, giai đoạn bảo hành tương ứng của hàng hóa thiết bị đó sẽ được kéo dài thêm khoảng thời gian phù hợp quy định tại Yêu cầu về kỹ thuật và Phạm vi công việc và Tiến độ thực hiện hợp đồng kể từ ngày việc sửa chữa và thay thế đó được Bên Mua chấp nhận.

– Nếu các sai sót về mặt kỹ thuật hay hư hỏng xảy ra trong thời gian bảo hành mà

nguyên nhân xác định được do lỗi của Bên Bán thì Bên Bán hoàn toàn chịu trách nhiệm xử lý sửa chữa, thay thế kịp thời bằng mọi chi phí của Bên Bán theo thời gian yêu cầu của Bên Mua. Trước khi tiến hành sửa chữa, Bên Bán phải gửi kế hoạch và nguyên nhân để Bên Mua phối hợp thực hiện. Trường hợp quá thời gian quy định theo yêu cầu, Bên Bán cố tình trì hoãn sửa chữa thì Bên Mua có quyền thuê các tổ chức khác thực hiện và Bên Bán phải chịu mọi chi phí liên quan này. Thời gian sửa chữa các sai sót trong giai đoạn bảo hành là 28 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên Mua.

– Tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên Bán chưa khắc phục hoàn toàn các tồn tại nêu trên thì Bên Bán phải gia hạn thời hạn bảo lãnh với toàn bộ giá trị của bảo lãnh bảo hành phù hợp với thời gian hai bên đã thống nhất khắc phục các tồn tại và nộp cho Bên Mua trước thời điểm hết hiệu lực của bảo lãnh bảo hành tối thiểu 21 ngày. Trong trường hợp tại thời điểm 28 ngày trước ngày bảo lãnh bảo hành hết hiệu lực mà Bên Bán không gia hạn bảo lãnh thì Bên Mua có quyền tịch thu bảo lãnh.

19. Tạm ứng:

– Tạm ứng: **30%** trị giá hàng hóa (chưa thuế GTGT) theo đơn đặt hàng của từng đợt trong quá trình thực hiện hợp đồng.

– Mẫu Bảo lãnh tiền tạm ứng của Bên bán cho đơn đặt hàng của từng đợt theo mẫu số 19 E-HSMT và có hiệu lực đến hết 28 ngày sau thời gian giao hàng cuối cùng của từng đơn đặt hàng nêu trên (bao gồm thời hạn được phép giao hàng trễ).

– Bảo lãnh tạm ứng phải là bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang do một Ngân hàng hoạt động hợp pháp tại Việt Nam phát hành với số tiền tương đương số tiền tạm ứng.

20. Các quy định về thuế:

– Điều chỉnh thuế: Được phép

– Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời nhà thầu xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

❖ **Ghi chú:** Hàng hóa thuộc gói thầu áp dụng thuế GTGT 8% theo quy định tại Nghị định số 174/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ.

21. Phạt vi phạm hợp đồng (giao hàng trễ) và bồi thường thiệt hại:

❖ Phạt vi phạm hợp đồng:

– Trừ trường hợp bất khả kháng theo quy định tại Mục 26 E-ĐKC, nếu Nhà thầu không thể giao hàng hay cung cấp các dịch vụ liên quan theo đúng thời hạn đã nêu trong hợp đồng thì Chủ đầu tư có thể khấu trừ vào giá hợp đồng một khoản tiền phạt tương ứng với: 1%/ tuần cho đến khi nội dung công việc đó được thực hiện. Chủ đầu tư sẽ khấu trừ đến 5%. Khi đạt đến mức phạt tối đa, Chủ đầu tư có thể xem xét chấm dứt hợp đồng theo quy định tại Mục 29 E-ĐKC.

❖ Bồi thường thiệt hại:

– Trường hợp hàng hóa không đảm bảo tiến độ hoặc chất lượng như cam kết gây thiệt hại cho chủ đầu tư, chủ đầu tư sẽ xem xét và yêu cầu nhà thầu bồi thường thiệt

hại trên cơ sở toàn bộ thiệt hại thực tế do lỗi của nhà thầu gây ra.

– Trường hợp hàng hoá không đảm bảo chất lượng như đã cam kết, Bên A có quyền từ chối nhận hàng hoá.